

## Phần một

# GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TOÁN Ở LỚP 3

## I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 3

Môn Toán lớp 3 nhằm giúp học sinh (HS) đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

### 1. Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học, các phẩm chất chủ yếu

– Thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, bước đầu làm quen với việc nêu và trả lời câu hỏi khi lập luận, giải quyết các vấn đề đơn giản; lựa chọn được các phép tính để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, cách thức giải quyết vấn đề; làm quen với việc sử dụng ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản; sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán đơn giản để thực hiện các nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

– Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### 2. Có những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu về:

– Số và Phép tính: các số tự nhiên trong phạm vi 10 000, 100 000; các phép cộng, phép trừ không nhớ, có nhớ trong phạm vi 10 000, 100 000; các bảng nhân, chia và các phép nhân, chia với số có một chữ số.

– Hình học và Đo lường: nhận biết một số yếu tố cơ bản của hình. Nhận biết ban đầu về biểu tượng đại lượng và đơn vị diện tích, nhiệt độ; bổ sung một số đơn vị của các đại lượng đã học.

### 3. Vận dụng Toán học vào cuộc sống

Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác như Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm, ... vận dụng toán học vào thực tiễn, tạo dựng những nhận biết ban đầu giúp HS hiểu biết về một số nghề nghiệp sau này.

## II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

### 1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đặc thù

Cùng với các môn học khác, môn Toán hình thành và phát triển những **phẩm chất** chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Các yêu cầu về năng lực đặc thù:

#### Năng lực tư duy và lập luận toán học

– Thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản. Làm quen với việc quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc; làm quen với việc nói kết quả của việc quan sát (nói theo trường hợp cụ thể, chưa yêu cầu khái quát).

– Bước đầu nêu được lí do để giải thích việc làm của mình.

### **Năng lực mô hình hoá toán học**

– Lựa chọn được hình vẽ, sơ đồ, phép tính, ... để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) các nội dung, ý tưởng.

– Giải quyết được nhiệm vụ từ sự lựa chọn trên.

### **Năng lực giải quyết vấn đề toán học**

HS bước đầu **làm quen** với các việc để giải quyết vấn đề:

– Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi.

– Nói (đơn giản) cách thức giải quyết vấn đề.

– Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản.

– Kiểm tra được các việc đã làm (giải pháp đã thực hiện).

### **Năng lực giao tiếp toán học**

– Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép thông tin trọng tâm (số, phép tính, ...) do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản).

– Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) các nội dung, ý tưởng, giải pháp (một cách đơn giản) để người khác hiểu.

– Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

– Thể hiện được sự tự tin khi trả lời, trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

### **Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán**

– Nhận biết được tên gọi, tác dụng, cách sử dụng, cách bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản.

– Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

– Bước đầu nhận biết một số ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.

## **2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở lớp 3**

### **a) Số và Phép tính**

#### **Số tự nhiên**

– Lập số

• Giới thiệu các khái niệm hàng: đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn, trăm nghìn.

• Tổng hợp các đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn để hình thành số.

– Đọc, viết số

• Đọc và viết các số trong phạm vi 10000, 100000.

• Nhận biết được số tròn nghìn, tròn mười nghìn.

• Nhận biết được giá trị theo vị trí của các chữ số trong một số.

– Đếm thêm, đếm bớt (1, 2, 3, ..., 10; 100, 1000, 10000).

- Phân tích, tổng hợp số

• Thực hiện được các thao tác tách – gộp số và thể hiện bằng sơ đồ tách – gộp số.

• Nhận biết cấu tạo thập phân của số.

Tách – gộp số theo cấu tạo thập phân của số.

Viết số thành tổng theo các hàng.

- Thứ tự các số

• Nhận biết và mô tả được các quan hệ “bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn” giữa số lượng các phần tử của hai tập hợp qua thao tác thiết lập tương ứng 1 – 1. Sử dụng đúng các thuật ngữ “bằng, nhiều hơn, ít hơn”.

• Nhận biết và mô tả được các quan hệ “bằng nhau, lớn hơn, bé hơn” giữa các số dựa vào quan hệ “bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn”. Sử dụng đúng các thuật ngữ “bằng, lớn hơn, bé hơn” và các kí hiệu “=, >, <”.

• Nhận biết dãy số (tự nhiên) được xếp thứ tự từ bé đến lớn.

• So sánh được các số trong phạm vi 10000, 100000 dựa vào quan hệ “bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn”, có thể dùng nhiều cách thức:

So sánh các chữ số theo các hàng.

Thứ tự các số trong dãy số.

Dựa vào tia số.

• Xác định được số lớn nhất, bé nhất, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10 000, 100 000 (ở các nhóm không quá bốn số).

- Làm quen với việc làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng mười nghìn.

- Giải quyết vấn đề có liên quan đến các số trong phạm vi 10000, 100000.

### **Phép tính**

#### ***Phép cộng, phép trừ***

- Ý nghĩa phép tính

• Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng: gộp lại (theo quan điểm lấy hợp hai tập hợp không giao nhau) và mở rộng ý nghĩa phép tính: nhiều hơn.

• Nhận biết và sử dụng được các thuật ngữ chính thể hiện ý nghĩa phép cộng: và, thêm, nhiều hơn.

• Nhận biết được ý nghĩa của phép trừ: tách ra (theo quan điểm tìm phần bù của tập con của một tập hợp) và mở rộng ý nghĩa phép tính: ít hơn.

• Nhận biết và sử dụng được các thuật ngữ chính thể hiện ý nghĩa phép trừ: bớt đi, còn lại, ít hơn.

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến 5 chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp).

- Nhận biết được tính chất giao hoán của phép cộng, tính chất kết hợp của phép cộng và mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trong thực hành tính.

#### ***Phép nhân, phép chia***

- Ý nghĩa phép tính

- Nhận biết được ý nghĩa của phép nhân: sự lặp lại, phép nhân là cách viết khác của tổng các số hạng bằng nhau.
- Nhận biết và sử dụng được thuật ngữ chính thể hiện ý nghĩa phép nhân: cái gì được lấy mấy lần.
  - Nhận biết được ý nghĩa của phép chia: tương ứng với thao tác chia đều trong cuộc sống.
  - Nhận biết và sử dụng được thuật ngữ chính thể hiện ý nghĩa phép chia: chia đều.
  - Vận dụng các bảng nhân, bảng chia 2, 3, ..., 9 trong thực hành tính.
  - Thực hiện được phép nhân với số có một chữ số (có nhớ không quá hai lần và không liên tiếp).
    - Thực hiện được phép chia cho số có một chữ số.
    - Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân và mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia trong thực hành tính.

#### **Tính nhẩm**

- Thực hiện được cộng, trừ, nhân, chia nhẩm trong những trường hợp đơn giản.

#### **Biểu thức số**

- Làm quen với biểu thức số.
- Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và không có dấu ngoặc.
- Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc theo nguyên tắc thực hiện trong dấu ngoặc trước.
- Xác định được thành phần chưa biết của phép tính thông qua các giá trị đã biết.

#### **Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ, nhân, chia**

- Giải bài toán có hai bước tính liên quan đến:
  - Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép tính.
  - Thành phần và kết quả của phép tính.
  - Các mối quan hệ so sánh trực tiếp và đơn giản (gấp một số lên một số lần, giảm một số đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé).

#### **Phân số**

- Làm quen với phân số

Nhận biết được các phân số  $\frac{1}{2}$ ,  $\frac{1}{3}$ , ...,  $\frac{1}{9}$  thông qua các hình ảnh trực quan.

Xác định được  $\frac{1}{2}$ ,  $\frac{1}{3}$ , ...,  $\frac{1}{9}$  của một nhóm đồ vật (đối tượng) bằng việc chia thành các phần đều nhau.

#### **b) Hình học và đo lường**

##### **Hình học trực quan**

- Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng và hình khối đơn giản.
  - Nhận biết được điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng.



- Nhận biết được góc, góc vuông, góc không vuông.
- Nhận biết được một số yếu tố cơ bản của hình: đỉnh, cạnh, góc của hình chữ nhật, hình vuông; tâm, bán kính, đường kính của hình tròn.
- Nhận biết được tam giác, tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn qua các yếu tố cơ bản của hình.
- Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, mặt của khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
  - Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học
- Sử dụng ê-ke để kiểm tra và vẽ góc vuông.
- Sử dụng com-pa để vẽ đường tròn, thực hiện được việc vẽ trang trí.
- Thực hiện được việc vẽ hình vuông, hình chữ nhật trên lưới ô vuông.
- Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến gấp, cắt, ghép, xếp, vẽ và tạo hình trang trí.

### **Đo lường**

- Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng
- Nhận biết được “diện tích” thông qua một số biểu tượng cụ thể.
- Nhận biết được đơn vị đo diện tích:  $\text{cm}^2$  (xăng-ti-mét vuông).
- Nhận biết được đơn vị đo độ dài: mm (mi-li-mét); quan hệ giữa các đơn vị m, dm, cm, mm.
- Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: g (gam); quan hệ giữa g và kg.
- Nhận biết được đơn vị đo dung tích: ml (mi-li-lít); quan hệ giữa ml và l.
- Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ:  $^{\circ}\text{C}$ .
- Nhận biết được tháng trong năm, số ngày trong từng tháng.
- Nhận biết được mệnh giá của các tờ tiền Việt Nam (trong phạm vi 100000 đồng); nhận biết được tờ tiền hai trăm nghìn đồng và năm trăm nghìn đồng (không yêu cầu đọc, viết số chỉ mệnh giá).
  - Thực hành đo đại lượng
    - Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến mi-li-mét, nhiệt kế, ...) để thực hành cân, đo, đong, đếm.
    - Đọc giờ chính xác đến 5 phút và từng phút trên đồng hồ.
  - Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng
    - Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài, khối lượng, diện tích, dung tích, thời gian, tiền Việt Nam với các đơn vị đo đã học.
    - Tính được chu vi hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông khi biết độ dài các cạnh.
    - Tính được diện tích hình chữ nhật, hình vuông.
    - Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: cân nặng của một con gà khoảng 2 kg, ...).
    - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường.

### **c) Một số yếu tố Thống kê và Xác suất**

#### **Một số yếu tố thống kê**

– Nhận biết được cách thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê (trong một số tình huống đơn giản) theo các tiêu chí cho trước.

– Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng.

– Nêu được một số nhận xét đơn giản từ bảng số liệu.

#### **Một số yếu tố xác suất**

Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (một lần) thí nghiệm đơn giản.

### **d) Hoạt động thực hành và trải nghiệm**

Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, có thể tổ chức cho HS hoạt động trong giờ hoặc ngoài giờ chính khoá, nhằm giúp các em ứng dụng các kiến thức, kỹ năng toán học vào thực tiễn; ôn tập, củng cố các kiến thức, kỹ năng cơ bản, ... chẳng hạn:

– Thực hành tính toán, đo lường và ước lượng như: thực hành tính và ước lượng chu vi, diện tích của một số hình phẳng; thực hành đo, cân, đong và ước lượng độ dài, khối lượng, dung tích, nhiệt độ, ...

– Thực hành thu thập, phân loại, sắp xếp số liệu thống kê (theo các tiêu chí cho trước) về một số đối tượng thống kê trong trường, lớp.

– Tổ chức trò chơi học Toán, câu lạc bộ toán học, ...

...

## **III. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA (SGK) TOÁN 3**

### **1. Quan điểm biên soạn SGK môn Toán ở cấp Tiểu học nói chung và lớp 3 nói riêng**

Thống nhất với quan điểm xây dựng Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán.

#### **a) Bảo đảm tính tinh giản, hiện đại, thiết thực**

– SGK để cập tới những nội dung cốt lõi của ba mạch kiến thức; hình thành và phát triển các phẩm chất, các năng lực đặc thù của môn Toán.

Nội dung các bài học được cấu trúc nhằm dành thời gian thích đáng cho việc dạy khái niệm, tạo mối liên hệ giữa các khái niệm, đảm bảo cân đối giữa “học” kiến thức và “vận dụng” kiến thức vào giải quyết vấn đề cụ thể.

– Cách tiếp cận của SGK phù hợp với xu hướng giáo dục của thế giới ngày nay.

Hình ảnh sinh động, màu sắc tươi tắn tạo hứng thú cho HS.

– SGK cung cấp nhiều nội dung, giúp HS giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến các kiến thức, kỹ năng đã học.

– Đặc biệt, bộ sách mang tính nhân văn cao vì đã tạo điều kiện để HS có ý thức quan tâm tới đất nước, gia đình, trường học, ...

### **b) Bảo đảm tính thống nhất, sự nhất quán và phát triển liên tục**

– SGK thể hiện sự liên kết chặt chẽ hai nhánh, một nhánh mô tả sự phát triển của các mạch nội dung kiến thức cốt lõi và một nhánh mô tả sự phát triển của năng lực, phẩm chất của HS.

– Nội dung SGK Toán Tiểu học tiếp nối các nội dung đã học ở bậc giáo dục Mầm non và tạo điều kiện học tốt các nội dung ở các bậc học sau này.

### **c) Bảo đảm tính tích hợp và phân hoá**

– Nội dung môn Toán trong bộ sách được tích hợp xoay quanh ba mạch kiến thức: Số và Phép tính, Hình học và Đo lường, Một số yếu tố Thống kê và Xác suất.

Các nội dung trên được giới thiệu theo cấu trúc tuyến tính kết hợp với “đồng tâm xoáy ốc” (đồng tâm, mở rộng và nâng cao dần theo các vòng số).

– SGK Toán chú trọng tính ứng dụng, tích hợp với các môn học khác.

Các hoạt động thực hành, trải nghiệm tạo cơ hội để HS thực hiện tích hợp trong giáo dục toán học.

– Các bài tập được sắp xếp theo hệ thống từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Ngoài ra có những bài mang tính thử thách đảm bảo yêu cầu phân hoá trong dạy học.

– SGK Toán giới thiệu nhiều giải pháp để HS lựa chọn khi thực hiện một số kĩ năng, quán triệt tinh thần dạy học theo hướng cá thể hoá người học.

### **d) Bảo đảm tính mở**

Bên cạnh những nội dung giáo dục toán học cốt lõi, bắt buộc đối với HS toàn quốc, SGK Toán lựa chọn, bổ sung một số nội dung toán học đơn giản, tạo điều kiện cho các em trải nghiệm cuộc sống.

## **2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Toán**

Với quan điểm quán triệt các quy định của chương trình môn học, kế thừa và phát huy ưu điểm SGK hiện hành cũng như các bộ sách SGK trước đó, bộ sách tiếp thu có chọn lọc các thành tựu khoa học giáo dục của các nước tiên tiến.

– SGK cung cấp đầy đủ các nội dung tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy học định hướng **phát triển năng lực, phẩm chất và tích hợp** phù hợp với xu thế chung của giáo dục toàn cầu trong bối cảnh thế giới đang ở ngưỡng cửa của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư – Cách mạng công nghiệp 4.0.

Mỗi đơn vị kiến thức đều được hình thành qua việc sử dụng các phẩm chất và năng lực đặc thù, ngược lại quá trình vận dụng kiến thức, kĩ năng đòi hỏi khả năng tổng hợp các phẩm chất và năng lực.

– Bộ sách tiếp cận người học theo “**cách học sinh học toán**” – phù hợp với sở thích và năng lực cá nhân, quán triệt tinh thần “**toán học cho mọi người**”.

Mỗi bài học ưu tiên để HS tiếp cận, tìm tòi, khám phá, không áp đặt khiên cưỡng. Các hoạt động trong bài học tập trung vào việc hiểu được tại sao làm như vậy, không chỉ dừng lại ở việc tính toán.

SGK cung cấp các giải pháp khác nhau, HS có thể lựa chọn giải pháp phù hợp với sở thích, năng lực để thực hiện nhiệm vụ học tập.



- Với quan điểm: HS Tiểu học tiếp nhận kiến thức theo cách “mưa dầm thấm đất”, bộ SGK chủ trương giới thiệu các nội dung toán theo cách thức “lát nền” – Các kiến thức, kĩ năng bộ phận thường được giới thiệu sớm (trước khi chính thức giới thiệu nội dung chính) nhằm mục đích:

- Tạo điều kiện để các kiến thức, kĩ năng được lặp lại nhiều lần.
- Tạo nhiều cơ hội để HS làm quen và thực hành, hình thành các ý tưởng. Khi chính thức học nội dung đó, các ý tưởng sẽ được kết nối một cách hoàn chỉnh. Lúc này, bài học mang tính hệ thống và hoàn thiện các kiến thức, kĩ năng đã học.

- Các nội dung thể hiện trong SGK tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học giáo dục của các nước tiên tiến.

Các lí thuyết học tập giúp người học thành công hiện nay: Lí thuyết kiến tạo (Jean Piaget, 1896 – 1980), Lí thuyết văn hoá xã hội (Lev Vygotsky, 1896 – 1934). Áp dụng các lí thuyết trên, nội dung trong SGK Toán 3 đã đề ra được các chiến lược dạy học hữu ích với chìa khoá thành công là **Dạy học giải quyết vấn đề** (GQVĐ). Điều này hoàn toàn phù hợp với nội dung giáo dục mang tính quốc gia và toàn cầu: **Giáo dục vì sự phát triển bền vững**.

- Hình thức thể hiện: màu sắc, hình ảnh gắn gũi với HS, các tình huống được chuyển tải khéo léo bằng hình ảnh dễ dàng lôi cuốn HS vào hoạt động học tập.

- SGK **kết nối** giữa phụ huynh và học sinh thông qua hoạt động thực tế, tạo điều kiện để phụ huynh hiểu thêm về con em mình.

- Đặc biệt, mặc dù là một cuốn sách Toán, SGK Toán 3 tạo điều kiện để các em tìm hiểu về quê hương đất nước và bước đầu biết quan tâm, chia sẻ qua hoạt động Đất nước em.

### **3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học**

#### **a) Cấu trúc sách**

SGK Toán 3 được cấu trúc theo 4 chủ đề, các chủ đề gắn với các vòng số.

#### **b) Cấu trúc bài học**

Mỗi **bài học** thường gồm các phần

- **Khởi động**

Trước mỗi bài học thường xuất hiện một tình huống giả định dưới dạng hình ảnh mang dáng dấp của cuộc sống thực tế hoặc một vấn đề được đề xuất dẫn dắt vào nội dung phần bài học.

- **Cùng học và thực hành**

**Cùng học** được mặc định trên nền màu hoặc có tranh vẽ chuyển tải nội dung.

HS cùng nhau tìm phương án giải quyết dưới sự hướng dẫn, gợi ý của giáo viên (GV). Qua đó HS khám phá và hình thành kiến thức mới.

**Thực hành** được kí hiệu bởi hình tam giác màu xanh.

Thông qua các hoạt động, vẫn cùng với sự hỗ trợ của GV, giúp HS hiểu rõ hơn về bài mới cũng như hiểu thêm những liên hệ với kiến thức cũ.

Sở dĩ hai mục này ở chung một phần vì tiến trình hình thành kiến thức, kĩ năng mới phần lớn dựa trên việc thực hành của HS.



- **Luyện tập** được kí hiệu bởi hình tròn màu đỏ, giúp HS rèn luyện các kiến thức, kĩ năng đã học và vận dụng để giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống.

- Ngoài ra còn các phần Vui học, Thử thách, Khám phá, Đất nước em, Hoạt động thực tế có các biểu tượng kèm theo. Nội dung ở các phần này thường mang tính **vận dụng nâng cao**.

**Vui học:** hướng dẫn sử dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện các hoạt động vui chơi đơn giản nhằm tạo niềm vui và kích thích học tập.

**Thử thách:** các hoạt động thử thách trí thông minh, giúp HS rèn luyện tư duy, phát triển năng lực toán học.

**Khám phá:** tổ chức các hoạt động gợi mở những vấn đề mới liên quan đến kiến thức vừa học nhằm tạo hứng khởi và kích thích niềm say mê học toán.

**Đất nước em:** tích hợp nội dung giáo dục của địa phương, giới thiệu cho HS tìm hiểu về một số địa danh và những giá trị lịch sử – văn hoá, bước đầu giúp các em biết quan tâm và yêu mến quê hương đất nước.

**Hoạt động thực tế:** tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của HS ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.

Thỉnh thoảng, trong SGK, HS sẽ gặp **bạn ong vui** về nêu hướng dẫn, gợi ý hoặc làm mẫu trong một số tình huống cụ thể.

SGK Toán 3 được biên soạn để dùng trong nhiều năm, vì vậy HS giữ gìn sách cẩn thận, không nên viết, vẽ vào sách.

## IV. MỘT SỐ ĐIỀU CẦN LƯU Ý VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

### 1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Toán

- Phù hợp với tiến trình nhận thức của HS (đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó); không chỉ coi trọng tính logic của khoa học mà cần chú ý cách tiếp cận dựa trên vốn kinh nghiệm và sự trải nghiệm của HS.

- Quán triệt tinh thần “**lấy người học làm trung tâm**”, phát huy tính tích cực, tự giác, chú ý nhu cầu, năng lực nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân HS; tổ chức quá trình dạy học theo hướng kiến tạo, trong đó HS được tham gia tìm tòi, phát hiện, suy luận GQVĐ.

- Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn. Cấu trúc bài học đảm bảo tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa kiến thức cốt lõi, kiến thức vận dụng và các thành phần khác.

- Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán; có thể sử dụng các đồ dùng dạy học (ĐDDH) tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HS; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả.

## 2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học/tổ chức hoạt động

### a) Các lí thuyết học tập giúp người học thành công hiện nay

**Lí thuyết kiến tạo** (Jean Piaget, 1896 – 1980)

**Quan điểm:** trẻ em không phải là tờ giấy trắng mà là những người sáng tạo trong việc học của chính các em.

**Sản phẩm:** lược đồ nhận thức (mạng tích hợp).

**Nguyên lí cơ bản:** con người cấu trúc kiến thức của mình dựa trên kiến thức trước đây của họ.

**Lí thuyết văn hoá xã hội** (Lev Vygotsky, 1896 – 1934).

**Nguyên lí**

– Các quá trình tương tác về tinh thần tồn tại giữa những người trong cùng một môi trường học tập. Từ môi trường này, người học chuyển ý tưởng vào lĩnh vực tâm lí của chính mình.

– ZPD (Zone of proximal development)

Phạm vi kiến thức có thể nằm ngoài tầm đối với một người học, nhưng người đó có thể thực hiện được nếu có sự hỗ trợ của bạn học hoặc của người hiểu biết hơn.

**Cơ chế:** Hiệu ứng điều chỉnh

– Niềm tin, thái độ và mục tiêu cá nhân đồng thời ảnh hưởng và bị ảnh hưởng.

– Công cụ điều chỉnh: ngôn ngữ – sơ đồ – hình ảnh – hành động.

Việc học phụ thuộc vào người học, các tương tác xã hội trong và ngoài lớp học.

**Ý nghĩa của các lí thuyết đối với việc học toán**

Lí thuyết học tập không là một chiến lược dạy học.

Lí thuyết học tập cung cấp thông tin cần thiết cho việc dạy học. Cả hai lí thuyết trên đều có điểm chung: “Thảo luận trong lớp học dựa trên ý tưởng và giải pháp riêng của từng HS đối với các vấn đề là nền tảng cho việc học của trẻ em”.

Áp dụng các lí thuyết toán học trên, GV sẽ đề ra các **chiến lược dạy học** hữu ích.

– Xây dựng kiến thức mới từ kiến thức cũ.

– Cung cấp cơ hội để HS nói về toán học.

– Xây dựng cơ hội cho tư tưởng phản biện (đánh giá).

– Khuyến khích nhiều phương pháp tiếp cận.

– Coi sai lầm là cơ hội cho việc học.

– Xây dựng giàn giáo (cấu trúc) các kiến thức mới.

– Quý trọng sự khác biệt.

### b) Dạy học giải quyết vấn đề (GQVĐ)

Dạy học GQVĐ là chìa khoá thành công để thực hiện các chiến lược dạy học. GQVĐ là một công cụ dạy học hiệu quả vì:

+ GQVĐ là lí do chính để học Toán.

+ GQVĐ là một bộ phận trong cả ba mạch kiến thức (Số và Phép tính, Hình học và Đo lường, Một số yếu tố Thống kê và Xác suất) không nên được dạy như một phần tách biệt.

\* Ba cách thức để tích hợp kỹ năng GQVĐ trong dạy và học toán:

- **Dạy Phương pháp GQVĐ** (Quy trình giải bài)

(Quy trình 4 bước để GQVĐ của George Polya (1887 – 1985))

**Bước 1: Tìm hiểu vấn đề**

Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi.

**Bước 2: Lập kế hoạch**

Nêu được cách thức GQVĐ.

**Bước 3: Tiến hành kế hoạch**

Thực hiện và trình bày được cách thức GQVĐ ở mức độ đơn giản.

**Bước 4: Kiểm tra lại**

Xác tín xem câu trả lời ở bước 3 có thực sự GQVĐ như được hiểu ở bước 1. Ưu điểm của khuôn mẫu Polya: Tổng quát, có thể áp dụng cho nhiều loại vấn đề khác nhau, từ bài tập tính toán đơn giản đến các bài toán có lời văn phức tạp, không chỉ dừng lại ở việc làm bài tập mà còn dùng để hình thành kiến thức, kỹ năng mới.

- **Dạy các kiến thức, kỹ năng để GQVĐ** (Đa số SGK truyền thống được viết theo cách này):

Dạy các kiến thức, kỹ năng cần thiết, áp dụng vào GQVĐ (GQVĐ là mục đích của việc học các kiến thức, kỹ năng).

- **Dạy học thông qua GQVĐ** (GQVĐ là lí do để học kiến thức, kỹ năng – chủ đề chung của bộ SGK Toán) (có thể tham khảo ở hướng dẫn soạn bài trong phần thứ hai).

\* **VẤN ĐỀ LÀ GÌ?**

Vấn đề là bất cứ Bài tập hay Hoạt động nào mà HS không được dạy trước các phương pháp hay công thức giải.

\* Việc thay đổi vai trò của vấn đề:

- **Dạy học truyền thống:** Phổ biến dùng cách 2 (Dạy các kiến thức kỹ năng để GQVĐ)

• Cách thức này dựa trên giả thuyết: Mọi HS đều có kiến thức Toán cơ bản để hiểu các giải thích của GV.

• GV thường chỉ trình bày một phương pháp:

Chưa chắc dễ tiếp cận nhất đối với HS.

HS nghĩ rằng chỉ có một phương pháp giải.

• Đặt HS vào thế bị động.

• HS không thấy mối liên hệ của bài tập với các kiến thức kỹ năng cũ, do đó không tự mình giải quyết được các vấn đề mới.

• HS quen với các quy tắc giải, được hướng dẫn kỹ từng bước nên không cố gắng tự GQVĐ mới.

- Giá trị của dạy học thông qua GQVĐ

Thay đổi quan điểm và triết lí: Trước đây, GV làm trung tâm thì nay HS làm trung tâm.



- Tập trung sự chú ý của HS vào các “kết nối”, đào sâu được sự hiểu biết của HS.
- Phát triển niềm tin của HS vào khả năng làm toán của bản thân.
- Giúp HS tiếp cận Toán học tốt hơn qua việc cung cấp một bối cảnh có nền tảng là những kinh nghiệm quen thuộc đối với HS.
  - Tạo được sự đa dạng cùng lợi ích của nó: Mỗi HS có thể hiểu vấn đề theo cách tiếp cận riêng của mình, có thể mở rộng và phát triển sự hiểu biết khi nghe và rút kinh nghiệm từ những HS khác.
- GV đánh giá thường xuyên: GV định hướng việc dạy học, giúp HS thành công, cập nhật thông tin cho phụ huynh.
  - Cho phép mở rộng, nâng cao đáp ứng nhu cầu các trình độ HS khác nhau.
  - Kì luật lớp tốt hơn, đa số HS muốn được thử thách và được GQVĐ theo cách của các em.
  - Phát triển năng lực toán học: Khi GQVĐ, HS phải dùng cả 5 năng lực.
  - Tạo hứng khởi cho cả HS và GV.

## V. GỢI Ý HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Các bài học trong bộ sách giáo khoa môn Toán có thể quy về các dạng sau:

**Bài mới** (bao gồm cả Thực hành và Luyện tập).

**Ôn tập và hệ thống hoá kiến thức** (bao gồm các bài: Em làm được những gì?; Thực hành và trải nghiệm; Ôn tập).

Mỗi dạng bài có cách tổ chức hoạt động dạy học riêng. Sau đây là hướng dẫn dạy học cho từng dạng bài cụ thể.

### 1. Hướng dẫn dạy học dạng BÀI MỚI

**a) Giúp HS tái hiện các kiến thức đã học (các ý tưởng hiện có) sẽ được sử dụng để học bài mới (xây dựng ý tưởng mới)**

Bất kì ý tưởng hiện có nào được sử dụng trong việc xây dựng sẽ nhất thiết phải được kết nối với ý tưởng mới vì đó là những ý tưởng giúp ý tưởng mới có nghĩa.

Ví dụ: Bài BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI BƯỚC TÍNH (SGK Toán 3, chương 1)

– Các kiến thức cần tái hiện:

- Ý nghĩa của phép cộng (Lưu ý cách nói, ví dụ: Muốn biết số cây của hai tổ, ta phải biết số cây của mỗi tổ).

- Mở rộng ý nghĩa của phép cộng.

- Kỹ năng giải bài toán có lời văn (Đọc, hiểu – Tóm tắt bài toán bằng sơ đồ đoạn thẳng – Tìm cách giải – Trình bày bài giải – Thử lại).

- Hình thức thể hiện: trò chơi nhỏ, câu đố, câu hỏi, ...

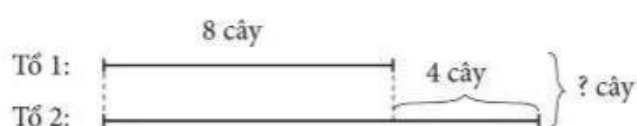
- Thời điểm: có thể đầu giờ học (khởi động) hay tại thời điểm thích hợp trong tiết học.

**b) Giúp học sinh tìm tòi, phát hiện, suy luận để giải quyết vấn đề của bài học**

Ví dụ: Vấn ở bài BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI BƯỚC TÍNH

- HS đọc kĩ đề bài, nhận biết cái đã cho và cái phải tìm.

- Các nhóm HS có thể vẽ sơ đồ đoạn thẳng thể hiện mối quan hệ giữa các dữ kiện và câu hỏi của bài toán.



– Trình bày cách thức GQVD theo các kiến thức, kĩ năng đã được tái hiện.

- Muốn biết số cây cả hai tổ cần biết số cây mỗi tổ.
- Số cây mỗi tổ thế nào, tính được không?

– GV giúp HS thể hiện theo mô hình tính:

- (Bước 1: Tính số cây tổ 2)  
 ..... (phép tính)  
 ..... (trả lời)
- (Bước 2: Tính số cây cả hai tổ)  
 ..... (phép tính)  
 ..... (trả lời)

Tại thời điểm này, HS nhận biết được cấu trúc của bài toán, tuy nhiên do thói quen của việc trình bày bài toán đơn, HS thường lúng túng khi trình bày bài giải. GV nên tạo thói quen cho HS xác định bài toán giải bằng một hay hai bước tính trước khi trình bày bài giải.

### **c) Giúp học sinh làm chủ kiến thức qua thực hành, luyện tập**

Giúp HS nhận ra kiến thức mới học trong các dạng bài tập khác nhau.

– *Thực hành* để cập đến các nhiệm vụ dựa trên các vấn đề khác nhau, có thể xuất hiện ở các thời điểm khác nhau trong tiết học. Thực hành cung cấp cho HS nhiều cơ hội phong phú để tạo ra những ý tưởng mới thông qua các nhiệm vụ dựa trên vấn đề.

– *Luyện tập* để cập tới các bài tập lặp đi lặp lại, được thiết kế để cải thiện kĩ năng đã học, ôn lại các kiến thức để tránh bị lãng quên.

Tuy nhiên, một số bài được đánh dấu luyện tập nhưng mang dáng dấp của thực hành.

– Với mỗi bài tập, GV nên dành thời gian thích đáng để đảm bảo HS hiểu những yêu cầu của bài. Nếu HS không nhận ra kiến thức đã học trong các dạng bài tập khác nhau thì GV nên giúp HS dựa vào hình ảnh trong bài hoặc giải thích các từ vướng mắc, hướng dẫn để HS nhớ lại, không nên vội làm thay HS.

– Giúp HS tự thực hành, luyện tập theo khả năng của HS.

- HS làm các bài tập theo thứ tự trong SGK.
- Không nên bắt HS chờ đợi nhau trong quá trình làm bài. HS nào đã làm xong 1 bài thì tự kiểm tra hoặc GV kiểm tra rồi tiếp tục làm bài tiếp theo.

• Các bài tập trong các mục Vui học, Khám phá, Thử thách thường mang tính mở rộng, nâng cao. Với các bài này, khuyến khích HS tìm tòi khám phá, không yêu cầu đại trả.

– Tạo ra sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các đối tượng HS.

• Với một số bài, GV nên chủ động giao việc cho các nhóm để HS có cơ hội làm quen với GQVD.

• GV nên hướng dẫn tỉ mỉ các bước tiến hành (tham khảo sách giáo viên (SGV)).

- Khuyến khích HS tự kiểm tra kết quả sau mỗi bài.
- Kiểm tra xem có thực hiện đúng theo yêu cầu của bài.
- Kiểm tra các số liệu có đúng như đề bài.
- Kiểm tra cách làm.
- Kiểm tra kết quả.
- Tập cho HS thói quen không thoả mãn với bài làm của mình, với cách giải đã có.
- Sau mỗi tiết học, GV nên khen ngợi, động viên, tạo cho HS niềm vui vì đã hoàn thành công việc được giao, niềm tin vào sự tiến bộ của bản thân.
- Khuyến khích HS tham khảo các cách giải khác, nhìn nhận được những cái hay trong mỗi cách giải.

Các “bài tập mở” trong Toán 3 là phương tiện để GV động viên HS tìm nhiều phương án giải quyết một vấn đề và biết tự lựa chọn phương án hợp lí. GV không nên áp đặt HS phải theo phương án chủ quan của GV.

## **2. Hướng dẫn dạy học dạng bài ÔN TẬP VÀ HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC**

Trong SGK Toán 3, các bài ôn tập và hệ thống hoá kiến thức bao gồm:

- Em làm được những gì? (mang tính chất của bài luyện tập chung).
- Ôn tập.
- Thực hành và trải nghiệm (ôn tập và thực hành, vận dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn).

Tuy nhiên, do đặc thù tâm lí lứa tuổi, thực chất việc ôn tập đối với HS Tiểu học diễn ra thường xuyên, ngay ở các bài tập thực hành, luyện tập thuộc hệ thống các bài hình thành kiến thức mới.

### **Các bài EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ và ÔN TẬP**

Khi dạy những loại bài này, cần lưu ý chuyển tải đầy đủ các nội dung:

Ôn tập: Tái hiện lại các kiến thức, kĩ năng đã học.

Hệ thống hoá: Quan hệ giữa các kiến thức, kĩ năng.

Nếu có điều kiện, mở rộng, bổ sung các kiến thức, kĩ năng cần thiết.

Ví dụ:

**Ôn tập Học kì 1** (SGK Toán 3, chương 2).

**Bài 1.** (Ôn tập các số trong phạm vi 1000)

- Tái hiện quan hệ giữa trăm, chục, đơn vị (thể hiện bằng hình ảnh).
- Hình ảnh mô hình hoá mối quan hệ trên giúp HS hiểu rõ hơn về bản chất giá trị chữ số theo vị trí.
- Qua ví dụ mẫu, HS khái quát cách viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.
- Trên cơ sở đó, HS đọc, viết và phân tích số theo cấu tạo thập phân của số.

**Bài 2.** (Ôn tập các số trong phạm vi 1000)

- Tái hiện và khái quát mỗi cách so sánh số trong phạm vi 1000.
- Hệ thống hoá các cách so sánh số.



- So sánh theo các hàng.
- Dựa vào tia số.
- Dựa vào thứ tự số.

### **Các bài THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

Bộ sách này rất coi trọng tính ứng dụng của môn Toán, gắn kết Toán học với thực tiễn cuộc sống. Điều này được thể hiện trong từng trang sách, đặc biệt ở các bài **Thực hành và trải nghiệm**.

– Các bài loại này thường được xây dựng trên một tình huống giả định, mô phỏng tình huống thực của cuộc sống.

– Khi tiến hành, GV có thể linh hoạt tổ chức học tập dưới dạng trò chơi, phân vai phân việc để HS trải nghiệm.

– Luôn khuyến khích HS tự tìm tòi, phát hiện các ứng dụng của Toán học trong thực tiễn cuộc sống.

– Những nội dung mang tính trải nghiệm thường được HS đón nhận, giúp cho việc học Toán thực sự có ý nghĩa.

### **VI. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

Ngoài các thiết bị tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, để thực hiện các ý đồ của sách Toán 3, GV và HS nên dùng:

– Các khối lập phương gắn được với nhau để học số, phép tính, hình học và đo lường; các thanh thể hiện chục, các thẻ thể hiện trăm và các thẻ trăm thể hiện nghìn.

– Bộ xếp hình 7 miếng, giúp HS lắp ghép, xếp hình, đặc biệt phát triển trí tưởng tượng phong phú.

Vì các tình huống trong cuộc sống đa dạng và phong phú, tùy theo điều kiện học tập của HS, GV có thể chọn các thiết bị dạy học phù hợp với hoàn cảnh của địa phương mình, của lớp mình.

### **VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

Mục tiêu kiểm tra đánh giá môn Toán là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HS trên cơ sở yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp học, cấp học; điều chỉnh các hoạt động dạy học, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục môn Toán nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

Vận dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá quá trình, đánh giá định kì); nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn, ...) và vào những thời điểm thích hợp.

Đánh giá năng lực HS thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động của HS.

Tiến trình đánh giá gồm các bước cơ bản như: xác định mục đích đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập bằng chứng; giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét.

Chú trọng việc lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá các thành tố của năng lực toán học. Cụ thể:

- Đánh giá năng lực tư duy và lập luận toán học: có thể sử dụng một số phương pháp, công cụ đánh giá như các câu hỏi (nói, viết), bài tập, ... và đòi hỏi HS phải trình bày, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức; phải vận dụng kiến thức toán học để giải thích, lập luận.

- Đánh giá năng lực mô hình hoá toán học: lựa chọn những tình huống trong thực tiễn làm xuất hiện bài toán toán học và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.

- Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận dạng tình huống, phát hiện và trình bày vấn đề cần giải quyết; mô tả, giải thích các thông tin ban đầu, mục tiêu, mong muốn của tình huống vấn đề đang xem xét; thu thập, lựa chọn, sắp xếp thông tin và kết nối với kiến thức đã có; sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời nói hoặc viết) đòi hỏi người học vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn; sử dụng phương pháp quan sát (như bảng kiểm đếm theo các tiêu chí đã xác định), quan sát người học trong quá trình giải quyết vấn đề; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của người học (chẳng hạn sản phẩm của các dự án học tập); quan tâm hợp lý đến các nhiệm vụ đánh giá mang tính tích hợp.

- Đánh giá năng lực giao tiếp toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép (tóm tắt), phân tích, lựa chọn, trích xuất được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản nói hoặc viết; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường trong việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

- Đánh giá năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản, ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện học toán; trình bày được cách sử dụng (hợp lý) công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học.

Khi GV lên kế hoạch bài học, cần thiết lập các tiêu chí và cách thức đánh giá để bảo đảm ở cuối mỗi bài học HS đạt được các yêu cầu cơ bản dựa trên các tiêu chí đã nêu, trước khi thực hiện các hoạt động học tập tiếp theo.

Từ đó, đòi hỏi HS phải xác định được mô hình toán học (gồm phép tính, sơ đồ, bảng biểu, ...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn; giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập; thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tiễn.

## Phần hai

# HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI TRONG TOÁN 3

## 1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

### ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 1 000 (2 tiết)

#### A. Mục tiêu

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

– Ôn tập các số đến 1 000:

- Đếm, lập số, đọc – viết số, cấu tạo số (viết số thành tổng các trăm, chục và đơn vị).
- So sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự.
- Tia số.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

**Phẩm chất:** trách nhiệm, chăm chỉ.

#### B. Thiết bị dạy học

GV: 10 thẻ trăm, 10 thanh chục và 10 khối lập phương, hình vẽ và các thẻ số cho bài Thực hành 1.

HS: 3 thẻ trăm, 3 thanh chục và 5 khối lập phương.

#### C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

##### KHỞI ĐỘNG

Đếm từ 1 đến 10.

Đếm theo chục từ 10 đến 100.

Đếm theo trăm từ 100 đến 1 000.

##### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

##### 1. Mối quan hệ giữa các hàng

###### a) Quan hệ giữa nghìn – trăm – chục – đơn vị

– HS làm việc theo nhóm bốn thực hiện các yêu cầu của GV.

- Đếm theo đơn vị: đếm 10 khối lập phương – gắn vào tạo thành 1 thanh chục rồi nói: 10 đơn vị bằng 1 chục và viết vào bảng con: 10 đơn vị = 1 chục.
- Đếm theo chục: đếm 10 thanh chục – gắn vào tạo thành 1 thẻ trăm rồi nói: 10 chục bằng 1 trăm và viết vào bảng con: 10 chục = 1 trăm.